TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2023/DS-PT
Ngày: 26/6/2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Cường - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023, về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1468/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số G, tổ A, đường N, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thanh T1 - Văn phòng L - Đoàn luật sư Thành phố H (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lý Thị Thu T2, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số C, tổ B, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đinh Vinh D - Văn phòng L1 - Đoàn luật sư tỉnh H (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lý Thị Kim T3, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số A, đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Lý Thị Hồng T4, sinh năm 1970 (Chết ngày 10/8/2013).

3. Bà Lý Thị Thy T5, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số G, đường N, tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Thị Kim T3 *và bà* Lý Thị Thy T5*:* Bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số G, tổ A, đường N, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 31/12/2020 - Có mặt).

4. Ủy ban nhân dân thị xã T; địa chỉ: Số A, đường T, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T *trình bày:*

Nguồn gốc tài sản: Diện tích đất nông nghiệp 10.237m^2 thuộc thửa 519, 520, 521, 524, 220, 2219, 2222, 518, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, thị trấn T (nay là thị xã T) là tài sản của ông Lý Văn M (ông cố bà T) để lại cho ông Lý B (ông nội bà T).

Trước năm 1975, ông Lý B cho thuê đất đến khoảng năm 1978-1979, diện tích đất được đưa vào Hợp tác xã Nông nghiệp thị trấn T.

Năm 1989, Hợp tác xã giải thể, ông B xin lại toàn bộ diện tích đất 10.237m^2 và cho con ông là Lý Bảo T6 (cha ruột bà T), theo tờ ủy quyền cho đứt đất sản xuất nông nghiệp ngày 15/4/1989, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T xác nhận. Theo xác nhận ngày 13/9/2020 của Chi cục thuế thị xã T, thì toàn bộ diện tích 10.237m^2 do ông Lý Bảo T6 đứng tên nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1989, cho đến nay.

Năm 1990, ông T6 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/aD ngày 14/6/1990.

Vào thời điểm đó, ông T6 làm việc tại Công ty xây dựng huyện P, nhưng do công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên giao lại cho em là bà Lý Thị Thu T2 (em ruột của ông T6) quản lý diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, bà T2 không trực tiếp canh tác mà giao lại cho ông Nguyễn Văn G thuê.

Năm 1992, Công ty X giải thể, ông T6 yêu cầu bà T2 giao lại đất để canh tác, nhưng bà T2 chỉ giao lại diện tích 7.000m^2. Do khó khăn nên ông T6 đã cầm cố diện tích 7.000m^2 cho ông Huỳnh Quốc D1 với giá 02 lượng vàng. Đối với diện tích 3.000m^2, ông T6 vẫn để cho bà T2 tiếp tục quản lý và cho thuê.

Năm 1999, ông T6 chết. Bà T2 tự ý dùng 02 lượng vàng chuộc lại 7.000m^2 đất cầm cố. Sau đó, gia đình bà T có hoàn trả cho bà T2 02 lượng vàng và nhận lại giấy tờ đất. Bà T2 cũng xác nhận việc này.

Đối với diện tích 3.000m^2, bà T2 tự ý kê khai. Ngày 21/01/2003, bà T2 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817aD, diện tích 2.966m^2.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Công nhận diện tích đất nông nghiệp 10.237m^2 thuộc thửa 519,520, 521, 524, 220, 2219, 2222, 518, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, thị trấn T (nay là thị xã T) là di sản của ông Lý Bảo T6 (đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/aD ngày 14/6/1990).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD ngày 21/01/2003 của UBND huyện T đã cấp cho bà T2 có diện tích 2.966m^2, đồng thời buộc bà T2 trả lại diện tích đất đó cho những người đồng thừa kế của ông Lý Bảo T6.

Bị đơn bà Lý Thị Thu T2 *trình bày:*

Năm 1989, ông Lý B (cha ruột bà T2) chết, có để lại tờ xác nhận di ngôn chia 10.237m^2 đất ruộng cho 04 người con cùng làm ruộng và cùng hộ khẩu với ông là: Lý Bảo T7, Lý Thị Thu T2, Lý Bảo Đ và Lý Bảo T8. Tờ xác nhận di ngôn này có chứng thực của tổ trưởng, của Ban nhân dân tự quản ấp xác nhận ngày 08/11/1994 và UBND xã L xác nhận ngày 11/11/1994.

Gia đình ông T6 chỉ đóng thuế 7.000m^2 đất, còn lại 3.000m^2 đất là do bà T2 đóng.

Ngày 23/5/2002, UBND tỉnh A đã ra quyết định 1301/QĐ.UBKN bác đơn tranh chấp của bà T và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T6. Ngày 30/10/2002, UBND huyện T ra quyết định 1732/2002/QĐ.UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/aD ngày 15/6/1990, do ông Lý Bảo T6 đứng tên.

Ngày 21/01/2003, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD ngày 21/01/2003 cho bà T2, với diện tích 2.996m^2.

Do đó, bà T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà Lý Thị Ngọc T khởi kiện là hết thời hiệu, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ngọc T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Kim T3, Lý Thị Hồng T9 *có văn bản ủy quyền cho bà* Lý Thị Ngọc T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã T *có đơn giải quyết xin vắng mặt.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 07/12/2022, Tòa án nhân tỉnh An Giang quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất có diện tích 2.996m^2 (đất tọa lạc tại phường L, thị xã T, tỉnh An Giang) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 18/6/2021 của Văn phòng Đ1 Chi nhánh T10 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD ngày 21/01/2003 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Châu cấp cho bà Lý Thị Thu T2.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Lý Thị Ngọc T đối với bà Lý Thị Thu T2 về đòi lại diện tích đất 2.996m^2, tọa lạc tại phường L, thị xã T, tỉnh An Giang và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD ngày 21/01/2003 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Châu cấp cho bà Lý Thị Thu T2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 15/12/2022, nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, theo hướng:

- Công nhận diện tích đất nông nghiệp 10.237m^2 là di sản của ông Lý Bảo T6;

- Buộc bà Lý Thị Thu T2 phải trả cho những người thừa kế của ông Lý Bảo T6 phần đất tranh chấp 2.966m^2;

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD ngày 21/01/2003 mà UBND huyện (nay là thị xã) T đã cấp cho bà Lý Thị Thu T2;

- Tuyên hủy Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của UBND tỉnh A và hủy Quyết định số 1732/2002/QĐ.UB ngày 30/10/2002 của UBND huyện T (về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Bảo T6).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc Thu g nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cụ thể yêu cầu sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cung cấp một số tài liệu, thể hiện quan điểm của Bộ T11 trả lời việc tách đất cho bà T2 là chưa phù hợp. Tuy nhiên, những tài liệu này đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Thị Thanh T1 *trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Lý Bảo T6 được cha là ông Lý B cho. Ông T6 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10.237m^2. Bà T2 yêu cầu tách cho bà T2 diện tích 2.966m^2 là không đúng, nên UBND thị xã T ban hành Quyết định số 1313/QĐ-UB ngày 21/12/2000, bác đơn của bà T2, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6. Bà T2 khiếu nại và được UBND tỉnh A giải quyết bằng Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002, nhưng quyết định này đã bị Bộ T11 có văn bản trả lời là không đúng. Mặt khác, Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của UBND tỉnh A là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà T2, chứ không phải là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Lý Thị Ngọc T. Đến nay, vẫn chưa có văn bản nào

giải quyết xong khiếu nại của bà T, nên không có cơ sở cho rằng Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của UBND tỉnh A, là quyết định giải quyết cuối cùng, có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị đưa Ủy ban nhân dân tỉnh A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đề nghị không chấp nhận nội dung tờ xác nhận di ngôn vì văn bản này được bà Lý Thị H lập sau khi ông Lý Bảo T6 chết đã 05 năm, không đủ cơ sở pháp lý chứng minh ông Lý B không cho đất ông Lý Bảo T6.

Tại Thông báo số 347/TB-VPCP ngày 12/6/2018 về Kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa B1, có nội dung giao UBND tỉnh A phối hợp Thanh tra Chính phủ đối thoại, hòa giải giữa các bên theo hướng giải quyết của UBND tỉnh A, nếu không đồng ý thì hướng dẫn khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Do đó, bà Lý Thị Ngọc T đã khởi kiện yêu cầu bà T2 trả lại 2.996m^2 đất.

Từ những phân tích về nội dung và tố tụng như trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ngọc T, vì lý do vụ việc đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của UBND tỉnh A, là không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc T, sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn bà Lý Thị Thu T2 vẫn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư Đinh Vinh D *trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư của nguyên đơn cho rằng khiếu nại của bà T chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết là không đúng, vì thực tế tranh chấp giữa hai bên đương sự đã được Ủy ban nhân dân tỉnh A, Thanh tra Chính phủ, Phó Thủ tướng, Thủ tướng giải quyết.

Ý kiến của luật sư của nguyên đơn cho rằng tờ xác nhận di ngôn không có giá trị pháp lý là không đúng.

Bà T2 được sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vì bà T2 là người chung hộ với ông Lý B, trực tiếp sử dụng loại đất nông nghiệp, nên theo quy định tại Luật Đất đai năm 1987, thì bà T2 đương nhiên được công nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận của bà T2 trên cơ sở căn cứ Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của UBND tỉnh A, là quyết định giải quyết cuối cùng, có hiệu lực pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Bảo T6 là trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 khoản 3 Điều 218 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lý Thị Ngọc T, hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc T là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị Kim T3, bà Lý Thị Hồng T9 và bà Lý Thị Thy T5 có văn bản ủy quyền cho bà Lý Thị Ngọc T tham gia tố tụng; đại diện Ủy ban nhân dân thị xã T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của những người này, không ảnh hưởng đến việc xem xét kháng cáo của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Xét các yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc T:

[2.1]. Đối với kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc T về việc buộc bà Lý Thị Thu T2 phải trả cho những người thừa kế của ông Lý Bảo T6 phần đất tranh chấp 2.966m^2 và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD ngày 21/01/2003 mà UBND huyện (nay là thị xã) T đã cấp cho bà Lý Thị Thu T2:

Phần đất diện tích 10.237m^2 thuộc thửa 519, 520, 521, 524, 220, 2219, 2222, 518, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp L, thị trấn (nay là thị xã) T, có nguồn gốc là của ông Lý B (cha ông Lý Bảo T6).

Ngày 14/6/1990, ông Lý Bảo T6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/aD với diện tích là 10.237m^2.

Năm 2000, bà T2 gửi đơn đến UBND thị trấn T yêu cầu tách phần diện tích đất 3.000m^2 ra khỏi phần đất do ông T6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi giải quyết tranh chấp, UBND huyện T ban hành quyết định số 1313/QĐ-UB ngày 21/12/2000, bác đơn xin tách đất của bà T2, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6. Bà T2 khiếu nại. Tại Quyết định số 766/QĐ-UB

ngày 15/6/2001, UBND huyện T bác khiếu nại của bà T2, nên bà T2 khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Ngày 23/5/2002, Chủ tịch UBND tỉnh A ban hành Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN, hủy Quyết định số 766/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND huyện T; yêu cầu UBND huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T6, để điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 theo thực tế sử dụng.

Ngày 30/10/2002, UBND huyện (nay là thị xã) Tân Châu ban hành Quyết định số 1732/2002/QĐ.UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/aD ngày 15/6/1990, do ông Lý Bảo T6 đứng tên.

Ngày 21/01/2003, UBND huyện (nay là thị xã) Tân Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01817.QSDĐ/aD cho bà Lý Thị Thu T2 với diện tích 2.966m^2.

Bà T không đồng ý, nên có đơn khiếu nại.

Ngày 01/6/2009, ngày 31/12/2010, Bộ T11 có Văn bản số 1839/BTNMT-TTr và Văn bản số 5334/BTNMT-TTr yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành quyết định giải quyết lại vụ việc theo hướng thu hồi Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A, theo hướng tiếp tục công nhận 2.966m^2 đất cho ông Lý Bảo T6.

Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 17/9/2014, Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Quyết định số 2188/QĐ-TTCP, thành lập Đoàn Công tác liên ngành kiểm tra, rà soát việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tồn đọng, kéo dài tại tỉnh An Giang, trong đó có khiếu nại của bà Lý Thị Ngọc T, đối với Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh A.

Ngày 31/8/2015, Thanh tra Chính phủ có Báo cáo Kết luận số 2508/BC-TTCP: "Công nhận cách giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh A tại Quyết định số 1301/QĐ-UB-KN ngày 23/5/2002; bác yêu cầu tranh chấp của bà Lý Thị Ngọc T".

Kết luận trên đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, thể hiện tại Văn bản số 8323/VPCP ngày 13/10/2015 của Văn phòng C.

Ngày 31/12/2015, UBND tỉnh A ra Thông báo số 643/TB-UBND về việc chấm dứt giải quyết khiếu nại của bà Lý Thị Ngọc T.

Tại Thông báo số 347/TB-VPCP ngày 12/9/2018 về kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa B1, thể hiện nội dung Phó Thủ tướng Trương Hòa B1 cũng đồng ý với ý kiến của Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh A, về việc giải quyết khiếu nại của bà Lý Thị Ngọc T.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất mà nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trong vụ án này, đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể là Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày

23/5/2002, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A. Quan điểm của nguyên đơn và của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng khiếu nại đòi đất của bà T đối với bà T2 chưa được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là không có căn cứ. Lẽ ra, khi bà T khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, ra thông báo trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn; trường hợp đã thụ lý vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử là không đúng tố tụng. Do đó, căn cứ Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[2.2]. Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị công nhận diện tích đất nông nghiệp 10.237m^2 là di sản của ông Lý Bảo T6; yêu cầu kháng cáo hủy Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của UBND tỉnh A và yêu cầu kháng cáo hủy Quyết định số 1732/2002/QĐ.UB ngày 30/10/2002 của UBND huyện T (về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Bảo T6):

Về yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ngọc T, đề nghị công nhận 10.237m^2 thuộc thửa 519, 520, 521, 524, 220, 2219 2222, 518, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, thị trấn T (nay là thị xã T), đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tách ra thành hai vụ án khác nhau. Theo đó, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T đối với bị đơn bà Lý Thị Thu T2, về việc tranh chấp diện tích đất 2.996m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đo đạc thực tế là 3.080m^2); và Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T với đồng bị đơn ông Lý Bảo T8 và bà Nguyễn Thị D2, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất 2.049m^2 (đối với ông T8) và 2.049m^2 (đối với bà D2).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị Ngọc T không đề nghị xem xét đối với Quyết định số 1301/QĐ-UB.KN ngày 23/5/2002 của UBND tỉnh A và Quyết định số 1732/2002/QĐ.UB ngày 30/10/2002 của UBND huyện T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét những vấn đề này.

Vì vậy, bà Lý Thị Ngọc T kháng cáo những nội dung nêu trên, là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Hơn nữa, như trên đã nhận định có căn cứ hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án, nên căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét các yêu cầu kháng cáo này của bà Lý Thị Ngọc T.

[3]. Ý kiến của bị đơn, và quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, là phù hợp.

[5]. Về chi phí tố tụng: bà Lý Thị Ngọc T phải chịu 3.309.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (đã nộp xong).

[6]. Về án phí:

[6.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Lý Thị Ngọc T số tiền 9.375.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002402 ngày 26/3/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

[6.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm nêu trên bị hủy và đình chỉ việc giải quyết vụ án, nên bà Lý Thị Ngọc T không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; điểm g khoản 1 Điều 217; điểm c khoản 1 Điều 192; khoản 3 Điều 218; Điều 293; khoản 4 Điều 308; Điều 311 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc T.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", giữa nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc T với bị đơn bà Lý Thị Thu T2, đối với diện tích đất 2.996m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích đo đạc thực tế tại Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 18/6/2021 của Văn phòng Đ1 Chi nhánh T10 là 3.080m^2, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 8, tại phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3. Về chi phí tố tụng: bà Lý Thị Ngọc T phải chịu 3.309.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Lý Thị Ngọc T số tiền 9.375.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0002402 ngày 26/3/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Ngọc T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lý Thị Ngọc T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000087 ngày 27/12/2022, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy **Lê Văn An** **Nguyễn Thị Thúy Hòa**